LỊCH CƠ CẤU DANH MỤC CÁC QUỸ ETF

Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11
Quỹ **DCVFM VN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF, KIM Growth VN30 ETF, KIM ACE VN30 ETF** (VN30 Index)		
▪ NAV: 14.103,8 **tỷ VND**	▪ Ngày công bố: **21/10** ▪ Ngày giao dịch: **22/10 - 01/11** *(Dự báo danh mục: 30/09/2024)*	
Quỹ **DCVFMVN DIAMOND ETF, MAFM VNDIAMOND ETF, BVFVN DIAMOND ETF** (VNDiamond Index)		
▪ NAV: **12.623,4 tỷ VND**	▪ Ngày công bố: **21/10** ▪ Ngày giao dịch: **22/10 - 01/11** *(Dự báo danh mục: 30/09/2024)*	
Quỹ **SSIAM VNFIN LEAD ETF, VFM VNMIDCAP ETF, Vina Capital VN100 ETF,...** (6 quỹ)		
▪ NAV: **1.893,7 tỷ VND**	▪ Ngày công bố: **21/10** ▪ Ngày giao dịch: **22/10 - 01/11**	
Quỹ **Fubon FTSE Vietnam ETF** (FTSE Vietnam 30 Index)		
▪ NAV: **15.908,4 tỷ VND** ▪ Ngày công bố: **tháng 09** ▪ Ngày giao dịch cuối: **20/09** *(Kết quả danh mục: 18/09/2024)*		
Quỹ **FTSE Vietnam ETF** (FTSE Vietnam Index)		
▪ NAV: **7.219,2 tỷ VND** ▪ Ngày công bố: **06/09** ▪ Ngày giao dịch: **07/09 - 20/09** Dự báo: **Top mua** **VIC, FRT, VHM, VNM, FTS, KDH** Dự báo: **Top bán** **HPG, MSN, VCB, VIX, VJC, VRE**		
Quỹ **VanEck Vectors Vietnam ETF** (MarketVector Vietnam Local Index)		
▪ NAV: **12.183,4 tỷ VND** ▪ Ngày công bố: **13/09** ▪ Ngày giao dịch: **14/09 - 20/09** *(Kết quả danh mục: 18/09/2024)*		

Nguồn: DSC tổng hợp dựa vào dữ liệu ngày 15/09/2024

BÁO CÁO ETF

Kết quả review chỉ số FTSE Vietnam Q3/2024

KẾT QUẢ CHI TIẾT DANH MỤC FTSE VIETNAM

▪ FTSE đã công bố danh mục cổ phiếu thành phần bộ chỉ số FTSE Vietnam vào ngày 06/09/2024, hoàn thành cơ cấu vào ngày 20/09/2024 và có hiệu lực từ ngày 23/9/2024.

▪ Trong đợt review, **danh mục chỉ số thêm 3 cổ phiếu: KDH, FRT, FTS và không loại cổ phiếu nào,** điều này sát với dự báo của DSC.

TỔNG QUAN

Hiện chỉ số FTSE Vietnam có quỹ FTSE Vietnam ETF tham chiếu danh mục. Đây là quỹ ngoại lớn thứ ba tại thị trường Việt Nam có tổng tài sản quản lý hơn 7,360 tỷ đồng và hơn 11,130 triệu chứng chỉ quỹ.

DỰ BÁO

Danh mục chỉ số bao gồm 31 cổ phiếu trong đó thêm KDH, FRT, FTS và không loại cổ phiếu nào

Dựa theo tiêu chí review FTSE Vietnam Index, ba cổ phiếu KDH, FRT, FTS được thêm vào rổ chỉ số. Cụ thể, KDH sau khi bị loại vào kì Q2/2022, hiện đã đảm bảo thanh khoản đủ hai đợt xét duyệt cũng như đáp ứng được yếu tố cuối: tăng room ngoại còn lại >10% (11,9%). FRT và FTS là hai ứng viên mới cũng đảm bảo đủ tất cả các tiêu chí về vốn hóa, thanh khoản, tỷ lệ free-float và room ngoại còn lại.

Danh mục chỉ số mới tập trung tỷ trọng vào ngành bất động sản (~30%) và chứng khoán (~15%). Năm cổ phiếu có tỷ trọng cao nhất là VIC (12,9%), VHM (12,3%), VNM (11,7%), VCB (7,5%), HPG (7,5%).

Hoạt động đáng chú ý của quỹ ETF theo chỉ số FTSE Vietnam

Với thay đổi trên, DSC ước tính quỹ ETF sẽ mua thêm lượng đáng kể cổ phiếu: VCI (6,4 triệu cp), VHM (4,6 triệu cp), VNM (2,4 triệu cp), KDH (2 triệu cp), FTS (1,9 triệu cp), FRT (1,1 triệu cp) và bán mạnh cổ phiếu: HPG (16 triệu cp), VIX (7 triệu cp) trong đợt tái cơ cấu.

(Số liệu được dự báo dựa vào các tiêu chí của chỉ số FTSE Vietnam và dữ liệu chốt ngày 06/09/2024. Tỷ trọng và khối lượng mua bán dự kiến của từng cổ phiếu có thể thay đổi từ nay đến khi kết thúc thời gian tái cơ cấu do biến động giá cổ phiếu, vốn hóa và số lượng chứng chỉ quỹ)

KẾT QUẢ CÁC CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CHỈ SỐ FTSE Q3/2024

STT	Mã	Giá	Số lượng CP lưu hành	Tỷ lệ free-float	Vốn hóa (đồng)	Tỷ trọng mới
1	VIC	44.650	3.823.661.561	30%	170.726.488.698.650	12,90%
2	VHM	43.900	4.354.367.488	30%	191.156.732.723.200	12,34%
3	VNM	75.400	2.089.955.445	40%	157.582.640.553.000	11,66%
4	VCB	90.200	5.589.091.262	11%	504.136.031.832.400	7,48%
5	HPG	25.400	6.396.250.200	55%	162.464.755.080.000	7,48%
6	SSI	33.400	1.509.138.669	70%	50.405.231.544.600	5,91%
7	MSN	76.000	1.438.351.617	45%	109.314.722.892.000	4,96%
8	VND	15.200	1.522.299.908	75%	23.138.958.601.600	3,05%
9	FRT	182.400	136.242.389	55%	24.850.611.753.600	2,85%
10	DGC	114.000	379.778.413	60%	43.294.739.082.000	2,75%
11	SHB	10.350	3.662.412.356	85%	37.905.967.884.600	2,16%
12	NVL	13.000	1.950.104.538	65%	25.351.358.994.000	2,15%
13	VRE	20.100	2.272.318.410	40%	45.673.600.041.000	2,05%
14	VCI	45.500	441.900.000	70%	20.106.450.000.000	2,05%
15	EIB	18.450	1.740.866.148	90%	32.118.980.430.600	1,83%
16	VJC	103.800	541.611.334	55%	56.219.256.469.200	1,81%
17	GEX	21.150	859.429.793	75%	18.176.940.121.950	1,53%
18	VIX	11.800	1.439.306.157	95%	16.983.812.652.600	1,50%
19	PDR	21.600	873.140.083	45%	18.859.825.792.800	1,40%
20	POW	13.100	2.341.871.600	25%	30.678.517.960.000	1,27%
21	DIG	22.450	609.851.995	80%	13.691.177.287.750	1,25%
22	TCH	18.250	668.215.843		12.194.939.134.750	1,16%
23	KBC	26.500	767.604.759	75%	20.341.526.113.500	1,15%
24	FTS	43.300	305.919.366	55%	13.246.308.547.800	1,14%
25	KDH	37.800	909.403.715	60%	34.375.460.427.000	1,08%
26	DPM	35.950	391.334.260	45%	14.068.466.647.000	1,00%
27	PVD	26.600	555.880.006	50%	14.786.408.159.600	0,98%
28	EVF	11.950	704.248.289	70%	8.415.767.053.550	0,83%
29	HSG	19.950	615.982.309	85%	12.288.847.064.550	0,78%
30	VCG	19.000	598.593.458	55%	11.373.275.702.000	0,78%
31	DXG	15.450	720.703.435	80%	11.134.868.070.750	0,70%
Tổng						**100,0%**

Nguồn: DSC ước tính

BÁO CÁO ETF

Kết quả review chỉ số FTSE Vietnam Q3/2024

ƯỚC TÍNH SỐ LƯỢNG MUA/BÁN CỔ PHIẾU CỦA QUỸ FTSE VIETNAM ETF Q3/2024

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Tổng SLCP mua/bán	Tổng giá trị giao dịch	Số phiên GD tương ứng *(SLCP / KLGDTB 1 năm)*
1	VIC	12,9%	6.402.725	285.881.670.877	1,58
2	FRT	2,9%	1.128.005	205.748.172.222	1,92
3	VHM	12,3%	4.588.078	201.416.631.754	0,64
4	VNM	11,7%	2.403.220	181.202.776.238	0,73
5	FTS	1,1%	1.900.676	82.299.268.889	0,96
6	KDH	1,1%	2.062.638	77.967.728.421	0,93
7	VND	3,1%	1.994.788	30.320.783.275	0,10
8	NVL	2,2%	1.721.510	22.379.625.750	0,08
9	POW	1,3%	1.322.608	17.326.161.871	0,19
10	SHB	2,2%	1.604.274	16.604.238.460	0,08
11	EIB	1,8%	821.701	15.160.391.637	0,10
12	TCH	1,2%	632.919	11.550.774.581	0,06
13	DIG	1,3%	482.354	10.828.851.170	0,03
14	EVF	0,8%	906.180	10.828.851.170	0,14
15	GEX	1,5%	102.400	2.165.770.234	0,01
16	VCG	0,8%	37.996	721.923.411	0,01
17	VCI	2,1%	(190.397)	(8.663.080.936)	(0,03)
18	DPM	1,0%	(281.138)	(10.106.927.758)	(0,11)
19	PDR	1,4%	(534.758)	(11.550.774.581)	(0,05)
20	DXG	0,7%	(887.802)	(13.716.544.815)	(0,07)
21	PVD	1,0%	(651.359)	(17.326.161.871)	(0,14)
22	HSG	0,8%	(904.666)	(18.048.085.283)	(0,08)
23	KBC	1,2%	(1.280.392)	(33.930.400.331)	(0,20)
24	SSI	5,9%	(1.145.567)	(38.261.940.799)	(0,06)
25	DGC	2,8%	(525.611)	(59.919.643.138)	(0,21)
26	VRE	2,1%	(3.052.910)	(61.363.489.961)	(0,42)
27	VJC	1,8%	(758.089)	(78.689.651.832)	(0,93)
28	VIX	1,5%	(7.035.694)	(83.021.192.300)	(0,28)
29	VCB	7,5%	(928.416)	(83.743.115.711)	(0,68)
30	MSN	5,0%	(3.068.174)	(233.181.261.852)	(0,84)
31	HPG	7,5%	(16.598.554)	(421.603.272.202)	(0,76)
Tổng		**100,0%**			

Nguồn: DSC ước tính

PHỤ LỤC

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ FTSE VIETNAM INDEX

Tiêu chí	Cổ phiếu thuộc bộ chỉ số	Cổ phiếu không thuộc bộ chỉ số
Vốn hóa	Top 88% cổ phiếu đợt xem xét	Top 92% cổ phiếu đợt xem xét
Thanh khoản	Ít nhất 20% GTGD bình quân FTSE VN Index 3 tháng gần nhất	Ít nhất 40% GTGD bình quân FTSE VN Index 3 tháng gần nhất
Tỷ lệ free float	> 5% và <=15% ; Vốn hoá >= 25.000 tỷ đồng	> 5% và <=15% ; Vốn hoá >= 45.000 tỷ đồng
Room ngoại còn lại	>= 2%	>= 10%
Kỳ review	Theo quý	
Kỳ cơ cấu	Nửa năm (tháng 3, tháng 9)	

Nguồn: LSEG, DSC tổng hợp

BÁO CÁO ETF

Kết quả review chỉ số FTSE Vietnam Q3/2024

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán DSC và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Liên hệ - Trung tâm phân tích DSC

Trương Thái Đạt,
GĐ. Trung tâm Phân tích
dat.tt@dsc.com.vn

Trần Thanh Vân
Chuyên viên Phân tích
van.tt@dsc.com.vn

HỘI SỞ CHÍNH

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

(024) 3880 3456

info@dsc.com.vn